

Số: /QĐ-UBND

Đồ Sơn, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Hệ thống tài liệu của Hệ thống quản lý chất lượng
theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1091/QĐ-UBND ngày 09/5/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan hành chính nhà nước thuộc Sở, ngành thành phố Hải Phòng;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Hệ thống tài liệu của Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận Đồ Sơn (danh mục kèm theo).

Điều 2. Thủ trưởng, cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan chuyên môn, đơn vị của quận có trách nhiệm quán triệt, phổ biến, thực thi nhiệm vụ theo đúng quy trình, thủ tục, quy định của Hệ thống tài liệu. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, kịp thời báo cáo về Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận để tham mưu Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định ban hành Hệ thống tài liệu của Ủy ban nhân dân quận đã ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Chi cục TCĐLCL;
- CT, các PCT UBND quận;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Trần Khắc Kiên

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH MỤC
TÀI LIỆU HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
THEO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Đồ Sơn)

TT	Tên tài liệu	Mã số tài liệu	Phiên bản
A	TÀI LIỆU HỆ THỐNG		
1	Chính sách chất lượng	CSCL	01/01
2	Mục tiêu chất lượng	MTCL	01/01
3	Sổ tay chất lượng	STCL	01/01
4	Quy trình nhận diện và xem xét bối cảnh tổ chức	QT.ISO.01	01/01
5	Quy trình nhận diện, đánh giá, giải quyết rủi ro và cơ hội	QT.ISO.02	01/01
6	Quy trình kiểm soát tài liệu	QT.ISO.03	01/01
7	Quy trình kiểm soát hồ sơ	QT.ISO.04	01/01
8	Quy trình đánh giá nội bộ Hệ thống quản lý chất lượng	QT.ISO.05	01/01
9	Quy trình xem xét của lãnh đạo	QT.ISO.06	01/01
10	Quy trình kiểm soát sự không phù hợp, hành động khắc phục	QT.ISO.07	01/01
B	QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TTHC		
I	LĨNH VỰC NỘI VỤ (28 quy trình)		
	Lĩnh vực Tôn giáo		
1	QT Thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016	QT.NV.01	01/01
2	QT Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	QT.NV.02	01/01
3	QT Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều phường thuộc quận	QT.NV.03	01/01
4	QT Thông báo tổ chức Hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc hoạt động trên địa bàn quận	QT.NV.04	01/01
5	QT Đề nghị tổ chức Đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo hoạt động trên địa bàn quận	QT.NV.05	01/01
6	QT Chấp thuận việc tổ chức cuộc lễ diễn ra ngoài cơ sở tôn giáo có sự tham gia của tín đồ trong quận	QT.NV.06	01/01

TT	Tên tài liệu	Mã số tài liệu	Phiên bản
7	QT Đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức thuộc địa bàn quận	QT.NV.07	01/01
8	QT Thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một phường nhưng trong địa bàn quận	QT.NV.08	01/01
	Lĩnh vực Thi đua - Khen thưởng		
9	QT Tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến	QT.NV.09	01/01
10	QT Tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở	QT.NV.09	01/01
11	QT Tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	QT.NV.09	01/01
12	QT Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND quận về thành tích thi đua theo chuyên đề	QT.NV.10	01/01
13	QT Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND quận cho cá nhân, tập thể theo công trạng	QT.NV.10	01/01
14	QT Khen thưởng của Chủ tịch UBND quận về thành tích đột xuất	QT.NV.11	01/01
15	QT Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND quận cho gia đình	QT.NV.12	01/01
	Lĩnh vực Tổ chức hành chính, sự nghiệp Nhà nước		
16	QT Thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập	QT.NV.13	01/01
17	QT Thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập	QT.NV.13	01/01
18	QT Thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	QT.NV.13	01/01
19	QT Thẩm định thành lập tổ chức hành chính	QT.NV.14	01/01
20	QT Thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính	QT.NV.14	01/01
21	QT Thẩm định giải thể tổ chức hành chính	QT.NV.14	01/01
	Lĩnh vực Quản lý nhà nước về Hội		
22	QT Báo cáo tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, Đại hội bất thường của Hội	QT.NV.15	01/00
23	QT Phê duyệt Điều lệ Hội	QT.NV.16	01/00
24	QT Thủ tục đổi tên Hội	QT.NV.17	01/00
25	QT Thủ tục Hội tự giải thể	QT.NV.18	01/00
26	QT Thủ tục chia, tách, sáp nhập, hợp nhất Hội	QT.NV.19	01/00
27	QT Thủ tục công nhận Ban vận động thành lập Hội	QT.NV.20	01/00

TT	Tên tài liệu	Mã số tài liệu	Phiên bản
28	QT Thủ tục thành lập Hội	QT.NV.21	01/00
II	LĨNH VỰC TƯ PHÁP (29 quy trình)		
	Lĩnh vực Hộ tịch		
1	QT Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT.TP.01	01/02
2	QT Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT.TP.02	01/02
3	QT Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	QT.TP.03	01/02
4	QT Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT.TP.04	01/02
5	QT Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT.TP.05	01/01
6	QT Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT.TP.06	01/02
7	QT Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT.TP.07	01/02
8	QT Đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	QT.TP.08	01/02
9	QT Ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT.TP.09	01/02
10	QT Ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT.TP.10	01/02
11	QT Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	QT.TP.11	01/02
12	QT Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT.TP.12	01/02
13	QT Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT.TP.13	01/02
14	QT Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT.TP.14	01/02
15	QT Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	QT.TP.15	01/02
16	QT Cấp bản sao trích lục hộ tịch	QT.TP.16	01/01
17	QT Xác nhận thông tin hộ tịch	QT.TP.29	01/01
	Lĩnh vực Chứng thực		
18	QT Cấp bản sao từ sổ gốc	QT.TP.17	01/01
19	QT Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	QT.TP.18	01/01

TT	Tên tài liệu	Mã số tài liệu	Phiên bản
20	QT Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	QT.TP.19	01/01
21	QT Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	QT.TP.20	01/01
22	QT Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT.TP.21	01/01
23	QT Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QT.TP.22	01/01
24	QT Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT.TP.23	01/01
25	QT Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	QT.TP.24	01/01
26	QT Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	QT.TP.25	01/01
	Lĩnh vực Bồi thường Nhà nước		
27	QT Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	QT.TP.26	01/01
28	QT Chủ động phục hồi danh dự	QT.TP.27	01/01
29	QT Phục hồi danh dự theo yêu cầu của người bị thiệt hại	QT.TP.28	01/01
III	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (31 quy trình)		
	Lĩnh vực Đất đai		
1	QT Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện	QT.TN.01	01/01
2	QT Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	QT.TN.02	01/01
3	QT Quyết định thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (đối với trường hợp thu hồi đất của đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013)	QT.TN.03	01/01
4	QT Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	QT.TN.04	01/01
5	QT Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân	QT.TN.05	01/01

TT	Tên tài liệu	Mã số tài liệu	Phiên bản
6	QT Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo quy định của pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	QT.TN.06	01/01
7	QT Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân	QT.TN.07	01/01
8	QT Quyết định thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng	QT.TN.08	01/01
9	QT Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	QT.TN.09	01/02
10	QT Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	QT.TN.10	01/02
11	QT Đình chính Giấy chứng nhận đã cấp	QT.TN.11	01/02
12	QT Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	QT.TN.12	01/01
13	QT Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện “đôn điền đổi thửa” (đồng loạt)	QT.TN.13	01/02
14	QT Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	QT.TN.14	01/02
15	QT Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	QT.TN.27	01/01
16	QT Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là chủ sử dụng đất	QT.TN.28	01/01
17	QT Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	QT.TN.29	01/01
Lĩnh vực Tài nguyên nước			
18	QT Lấy ý kiến của UBND cấp xã, cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh	QT.TN.15	01/01
19	QT Đăng ký khai thác nước dưới đất	QT.TN.26	01/01
Lĩnh vực Biển đảo			
20	QT Thẩm định kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu	QT.TN.16	01/01
21	QT Công nhận khu vực biển	QT.TN.17	01/02
22	QT Giao khu vực biển	QT.TN.18	01/02
23	QT Gia hạn thời gian giao khu vực biển	QT.TN.19	01/02

TT	Tên tài liệu	Mã số tài liệu	Phiên bản
24	QT Trả lại khu vực biển	QT.TN.20	01/02
25	QT Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển	QT.TN.21	01/02
	Lĩnh vực Môi trường		
26	QT Cấp Giấy phép môi trường	QT.TN.22	01/01
27	QT Cấp đổi Giấy phép môi trường	QT.TN.23	01/01
28	QT Cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường	QT.TN.24	01/01
29	QT Cấp lại Giấy phép môi trường	QT.TN.25	01/01
	Lĩnh vực Trồng trọt		
30	QT Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn quận	QT.TN.30	01/00
31	QT Nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn quận	QT.TN.31	01/00
IV	LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG (12 quy trình)		
1	QT Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT.KT.01	01/01
2	QT Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT.KT.02	01/01
3	QT Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT.KT.03	01/01
4	QT Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.KT.04	01/01
5	QT Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.KT.05	01/01
6	QT Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.KT.06	01/01
7	QT Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	QT.KT.07	01/01
8	QT Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	QT.KT.08	01/01
9	QT Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	QT.KT.09	01/01
10	QT Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT.KT.13	01/01
11	QT Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT.KT.14	01/01
12	QT Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT.KT.15	01/01
V	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (19 quy trình)		
13	QT Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	QT.KT.10	01/01

TT	Tên tài liệu	Mã số tài liệu	Phiên bản
14	QT Sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	QT.KT.11	01/01
15	QT Công bố mở cảng cá loại III	QT.KT.12	01/01
16	QT Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND quận	QT.KT.16	01/01
17	QT Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND quận	QT.KT.17	01/01
18	QT Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND thành phố phân cấp	QT.KT.18	01/01
19	QT Hỗ trợ dự án liên kết	QT.KT.19	01/01
20	QT Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế dự toán công trình lâm sinh do Chủ tịch UBND quận, phường quyết định đầu tư	QT.KT.20	01/01
21	QT Phê duyệt phương án khai thác thực vật rừng loài thông thường	QT.KT.21	01/02
22	QT Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND quận	QT.KT.22	01/01
23	QT Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	QT.KT.23	01/01
24	QT Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình, cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	QT.KT.24	01/00
25	QT Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	QT.KT.25	01/00
26	QT Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	QT.KT.26	01/00
27	QT Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	QT.KT.27	01/00
28	QT Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng	QT.KT.28	01/00
29	QT Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	QT.KT.29	01/00
30	QT Hỗ trợ chi phí nâng cao hiệu quả chăn nuôi cho đơn vị đã cung cấp vật tư phối giống, công phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	QT.KT.30	01/00

TT	Tên tài liệu	Mã số tài liệu	Phiên bản
31	Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nito lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	QT.KT.31	01/00
VI	LĨNH VỰC LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI (22 quy trình)		
1	QT Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	QT.LĐ.01	01/01
2	QT Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT.LĐ.02	01/01
3	QT Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	QT.LĐ.03	01/01
4	QT Nhận nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	QT.LĐ.04	01/01
5	QT Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	QT.LĐ.05	01/01
6	QT Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	QT.LĐ.06	01/01
7	QT Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân chăm sóc	QT.LĐ.07	01/01
8	QT Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Phòng Y tế	QT.LĐ.08	01/01
9	QT Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Phòng Y tế	QT.LĐ.09	01/01
10	QT Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Y tế	QT.LĐ.10	01/01
11	QT Cấp Giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Phòng Y tế	QT.LĐ.11	01/01
12	QT Cấp lại, điều chỉnh Giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Y tế cấp	QT.LĐ.12	01/01
13	QT Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	QT.LĐ.13	01/01
14	QT Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em	QT.LĐ.14	01/01

TT	Tên tài liệu	Mã số tài liệu	Phiên bản
15	QT Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp quận	QT.LĐ.15	01/01
16	QT Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	QT.LĐ.18	01/01
17	QT Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	QT.LĐ.19	01/01
18	QT Công bố lại tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	QT.LĐ.20	01/01
19	QT Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	QT.LĐ.21	01/01
20	QT Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	QT.LĐ.22	01/01
21	QT Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	QT.LĐ.23	01/01
22	QT Thăm viếng mộ liệt sỹ	QT.LĐ.24	01/01
VII	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (34 quy trình)		
1.	QT Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thực	QT.GD.01	01/02
2.	QT Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở	QT.GD.02	01/02
3.	QT Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	QT.GD.03	01/02
4.	QT Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thực	QT.GD.04	01/02
5.	QT Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	QT.GD.05	01/02
6.	QT Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	QT.GD.06	01/02
7.	QT Thành lập Trung tâm học tập cộng đồng	QT.GD.07	01/02
8.	QT Cho phép Trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	QT.GD.08	01/02
9.	QT Đề nghị đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện	QT.GD.09	01/02
10	QT Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thực	QT.GD.10	01/02
11	QT Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	QT.GD.11	01/02
12	QT Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	QT.GD.12	01/02
13	QT Công nhận phường đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xoá mù chữ	QT.GD.13	01/02

TT	Tên tài liệu	Mã số tài liệu	Phiên bản
14	QT Đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã	QT.GD.14	01/02
15	QT Tuyển sinh trung học cơ sở	QT.GD.15	01/02
16	QT Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	QT.GD.16	01/01
17	QT Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục	QT.GD.17	01/02
18	QT Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại	QT.GD.18	01/02
19	QT Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	QT.GD.19	01/02
20	QT Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	QT.GD.20	01/02
21	QT Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	QT.GD.21	01/02
22	QT Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	QT.GD.22	01/02
23	QT Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	QT.GD.23	01/02
24	QT Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	QT.GD.24	01/02
25	QT Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	QT.GD.25	01/02
26	QT Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	QT.GD.26	01/02
27	QT Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	QT.GD.27	01/02
28	QT Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	QT.GD.28	01/02
29	QT Xét duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn	QT.GD.29	01/01
30	QT Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	QT.GD.33	01/02
31	QT Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	QT.GD.34	01/02
32	QT Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	QT.GD.35	01/01
33	QT Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	QT.GD.36	01/02
34	QT Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	QT.GD.37	01/01
VIII	LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI (20 quy trình)		

TT	Tên tài liệu	Mã số tài liệu	Phiên bản
	Lĩnh vực Đường thủy nội địa		
1	QT Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	QT.QLĐT. 01	01/02
2	QT Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	QT.QLĐT. 02	01/02
3	QT Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	QT.QLĐT. 03	01/02
4	QT Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	QT.QLĐT. 04	01/02
5	QT Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QT.QLĐT. 05	01/02
6	QT Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QT.QLĐT. 06	01/02
7	QT Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	QT.QLĐT. 07	01/02
8	QT Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	QT.QLĐT. 08	01/02
9	QT Xóa đăng ký phương tiện	QT.QLĐT. 09	01/02
10	QT Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông	QT.QLĐT. 10	01/02
11	QT Công bố hoạt động bến khách ngang sông	QT.QLĐT. 11	01/02
12	QT Công bố lại hoạt động bến khách ngang sông	QT.QLĐT. 12	01/02
13	QT Gia hạn hoạt động bến khách ngang sông	QT.QLĐT. 13	01/02
14	QT Đổi tên bến khách ngang sông	QT.QLĐT. 14	01/02
15	QT Cho ý kiến về việc cải tạo, nâng cấp bến khách ngang sông	QT.QLĐT. 15	01/02
16	QT Công bố đóng bến khách ngang sông	QT.QLĐT. 16	01/02
	Lĩnh vực Đường bộ		
17	QT Cấp Giấy phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè, lòng đường không vào mục đích giao thông	QT.QLĐT. 17	01/02
18	QT Cấp lại Giấy phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè, lòng đường không vào mục đích giao thông	QT.QLĐT. 18	01/02
19	QT Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	QT.QLĐT. 28	01/00
20	QT Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	QT.QLĐT. 29	01/00

TT	Tên tài liệu	Mã số tài liệu	Phiên bản
IX	LĨNH VỰC XÂY DỰNG (09 quy trình)		
	Lĩnh vực Xây dựng		
1	QT Cấp Giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến, theo tuyến trong đô thị, tín ngưỡng, tôn giáo, tượng đài, tranh hoành tráng, theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến, theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị, dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.QLĐT. 19	01/02
2	QT Cấp Giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến, theo tuyến trong đô thị, tín ngưỡng, tôn giáo, tượng đài, tranh hoành tráng, theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến, theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị, dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.QLĐT. 20	01/02
3	QT Cấp Giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến, theo tuyến trong đô thị, tín ngưỡng, tôn giáo, tượng đài, tranh hoành tráng, theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến, theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị, dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.QLĐT. 21	01/02
4	QT Cấp điều chỉnh Giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến, theo tuyến trong đô thị, tín ngưỡng, tôn giáo, tượng đài, tranh hoành tráng, theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến, theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị, dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.QLĐT. 22	01/02
5	QT Gia hạn Giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến, theo tuyến trong đô thị, tín ngưỡng, tôn giáo, tượng đài, tranh hoành tráng, theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến, theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị, dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.QLĐT. 23	01/02
6	QT Cấp lại Giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến, theo tuyến trong đô thị, tín ngưỡng, tôn giáo, tượng đài, tranh hoành tráng, theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến, theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị, dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.QLĐT. 24	01/02
	Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng		
7	QT Thủ tục thẩm định nhiệm vụ, điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	QT.QLĐT. 25	01/02
8	QT Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	QT.QLĐT. 26	01/02
9	QT Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng	QT.QLĐT. 27	01/02
X	LĨNH VỰC KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ (20 quy trình)		

TT	Tên tài liệu	Mã số tài liệu	Phiên bản
	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh		
1	QT Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	QT.TCKH. 01	01/02
2	QT Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	QT.TCKH. 02	01/02
3	QT Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	QT.TCKH. 03	01/02
4	QT Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	QT.TCKH. 04	01/02
5	QT Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	QT.TCKH. 05	01/02
	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của Hợp tác xã		
6	QT Đăng ký Hợp tác xã	QT.TCKH. 06	01/01
7	QT Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Hợp tác xã	QT.TCKH. 07	01/01
8	QT Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật	QT.TCKH. 08	01/01
9	QT Đăng ký thay đổi địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của Hợp tác xã	QT.TCKH. 09	01/01
10	QT Đăng ký khi Hợp tác xã chia	QT.TCKH. 10	01/01
11	QT Đăng ký khi Hợp tác xã tách	QT.TCKH. 11	01/01
12	QT Đăng ký khi Hợp tác xã hợp nhất	QT.TCKH. 12	01/01
13	QT Đăng ký khi Hợp tác xã sáp nhập	QT.TCKH. 13	01/01
14	QT Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Hợp tác xã (Trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	QT.TCKH. 14	01/01
15	QT Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã (Trường hợp Hợp tác xã giải thể tự nguyện)	QT.TCKH. 15	01/01
16	QT Thông báo thay đổi nội dung đăng ký Hợp tác xã	QT.TCKH. 16	01/01
17	QT Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của Hợp tác xã	QT.TCKH. 17	01/01
18	QT Tạm ngừng hoạt động của Hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Hợp tác xã	QT.TCKH. 18	01/01

TT	Tên tài liệu	Mã số tài liệu	Phiên bản
19	QT Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Hợp tác xã	QT.TCKH.19	01/01
20	QT Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã (khi đổi từ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã)	QT.TCKH.20	01/01
XI	LĨNH VỰC TÀI CHÍNH (05 quy trình)		
1	QT Mua quyền hóa đơn	QT.TC.01	01/01
2	QT Mua hóa đơn lẻ	QT.TC.02	01/01
3	QT Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được đầu tư xây dựng do UBND cấp huyện quản lý	QT.TC.03	01/00
4	QT Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại (đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do UBND cấp huyện quản lý)	QT.TC.04	01/00
5	QT Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp huyện quản lý)	QT.TC.05	01/00
XII	LĨNH VỰC VĂN HÓA (05 quy trình)		
	Lĩnh vực Văn hóa cơ sở		
1	QT Đăng ký tổ chức Lễ hội cấp quận	QT.VHTT.03	01/01
2	QT Thông báo tổ chức Lễ hội cấp quận	QT.VHTT.04	01/01
	Lĩnh vực Thư viện		
3	QT Thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	QT.VHTT.05	01/01
4	QT Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	QT.VHTT.06	01/01
5	QT Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	QT.VHTT.07	01/01
XIII	LĨNH VỰC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG (06 quy trình)		
6	QT Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.VHTT.14	01/01

TT	Tên tài liệu	Mã số tài liệu	Phiên bản
7	QT Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.VHTT.15	01/01
8	QT Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.VHTT.16	01/01
9	QT Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.VHTT.17	01/01
10	QT Khai báo hoạt động cơ sở photocopy	QT.VHTT.18	01/01
11	QT Thay đổi thông tin khai báo hoạt động cơ sở photocopy	QT.VHTT.19	01/01
XIV	LĨNH VỰC THANH TRA (09 quy trình)		
1	QT Tiếp công dân	QT.TT.01	01/01
2	QT Xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh	QT.TT.02	01/01
3	QT Giải quyết khiếu nại lần đầu	QT.TT.03	01/01
4	QT Giải quyết khiếu nại lần hai	QT.TT.04	01/01
5	QT Giải quyết tố cáo	QT.TT.05	01/01
6	QT kê khai tài sản, thu nhập	QT.TT.06	01/01
7	QT Công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập	QT.TT.07	01/01
8	QT Tiếp nhận yêu cầu giải trình	QT.TT.08	01/01
9	QT Thực hiện giải trình	QT.TT.09	01/01
XV	LĨNH VỰC Y TẾ (01 quy trình)		
1	QT Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm	QT.YT.01	01/01